

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 05 TC/CTN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 3 tháng 2 năm 1988

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành pháp lệnh của Hội đồng Nhà nước và nghị định của Hội đồng Bộ trưởng bổ xung, sửa đổi một số điều về thuế công thương nghiệp, thuế hàng hoá và thuế sát sinh.

Thi hành pháp lệnh của hội đồng Nhà nước ngày 17-11-1987 và nghị định của Hội đồng bộ trưởng số/ HĐBT ngày 30-1-1988 bổ xung, sửa đổi một số điều về thuế công thương nghiệp, thuế hàng hoá và thuế sát sinh, Bộ tài chính hướng dẫn cụ thể như sau:

I- THUẾ MÔN BÀI

1. Căn cứ để áp dụng thuế môn bài là thu nhập một tháng của cơ sở sản xuất kinh doanh. Thu nhập của các cơ sở hợp doanh, hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tiêu thụ là doanh thu trừ (-), chi phí (không trừ tiền lương) ; thu nhập của các cơ sở sản xuất kinh doanh khác là doanh thu trừ (-) chi phí (không trừ suất miễn thu).

Thuế môn bài thu hàng năm và thu ngay từ đầu năm, do đó để có căn cứ xếp bậc môn bài ngay từ đầu năm, phải điều tra xác định thu nhập của cơ sở sản xuất kinh doanh vào tháng gần nhất của năm thu thuế, tức là tháng 10, tháng 11, tháng 12, của năm trước; Đồng thời có phân tích tình hình phát triển của năm thu thuế để xác định đúng thu nhập làm căn cứ xác định số thuế môn bài phải nộp; Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh theo mùa vụ thì tính thu nhập bình quân tháng trong mùa vụ có tình hình sản xuất kinh doanh tương đối bình thường.

Đối với cơ sở mới bắt đầu kinh doanh thì căn cứ vào thu nhập của cơ sở sản xuất kinh doanh khác có quy mô tương đương và cùng ngành nghề, cùng tính chất kinh doanh.

2. Cơ sở nào chỉ mang danh nghĩa là kinh tế tập thể, thực chất là hoạt động kinh doanh cá thể, hàng tháng quy định cho từng hộ phải nộp một số tiền hoặc theo một tỷ lệ khoán trên doanh số hoặc thu nhập ... thì thu thuế môn bài theo từng hộ tư nhân, cá thể.

3. Những cơ sở có giấy phép kinh doanh thì thu thuế môn bài và cấp thẻ môn bài. Những cơ sở không có giấy phép kinh doanh nhưng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là có lý do chính đáng thì thu thuế môn bài nhưng không cấp thẻ môn bài, không bị xử phạt theo điều lệ đăng ký kinh doanh.

II- THUẾ DOANH NGHIỆP

1. Mức thuế xuất 4% được áp dụng đối với ngành thương nghiệp bán rau quả, thực phẩm tươi sống, bao gồm cả đối với bán các mặt hàng tương cháo, dưa cà, lươn, cua, ốc, ếch, các loại củ, quả...

2. Mức thuế suất 6% áp dụng đối với ngành thương nghiệp bán các mặt nông, lâm, hải sản khác, bao gồm cả đối với bán mắm, muối, đường mật, các mặt hàng khô (như măng, miến, củ nâu, mộc nhĩ, nấm hương, tôm khô, cá khô, lạc, vừng, dược liệu...)

III- THUẾ LỢI TỨC DOANH NGHIỆP

1. Tiền công trả cho lao động thuê ngoài được tính trừ vào chi phí sản xuất kinh doanh, nhưng tối đa trừ không quá suất miễn thu cùng ngành nghề trong địa phương; riêng đối với người lao động có trình độ kỹ thuật cao, được phòng thuế quận, huyện công nhận thì có thể trừ cao hơn, nhưng tối đa không quá hai lần suất miễn thu cùng ngành nghề trong địa phương.

Tiền công trả cho thợ học việc (nếu có) được tính trừ vào chi phí sản xuất kinh doanh, nhưng tối đa không trừ quá 1/2 suất miễn thu cùng ngành nghề trong địa phương.

2. Cách tính số suất miễn thu:

Điều 14 của điều lệ thuế công thương nghiệp quy định: “Đối với hợp tác xã, khi tính lợi tức chịu thuế, mỗi xã viên có thực tế tham gia sản xuất trong kỳ kinh doanh (kể cả công trực tiếp và gián tiếp) được trừ một suất miễn thu”; Như vậy là chi phí tính trừ

suất miễn thu cho những xã viên có tham gia sản xuất trong kỳ kinh doanh. Có thực tế tham gia sản xuất phải có mang lại hiệu quả sản xuất, thể hiện ở năng suất lao động tính bằng hiện vật giá trị.

Căn cứ vào nguyên tắc trên và tùy theo tình hình thực tế của từng cơ sở sản xuất kinh doanh ở từng địa phương mà áp dụng phương pháp xác định số suất miễn thu cho thích hợp. Dưới đây là bộ hướng dẫn xác định suất miễn thu:

a. Đối với các cơ sở sản xuất đều đặn, liên tục, xác định rõ được số xã viên có thực tế tham gia sản xuất trong kỳ kinh doanh thì số suất miễn thu được tính theo số xã viên có tham gia sản xuất.

b. Đối với các cơ sở sản xuất không thường xuyên, không xác định rõ được số xã viên có thực tế tham gia sản xuất thì có thể áp dụng các cách sau đây để xác định số suất miễn thu:

- Đối với những nơi đã có định mức năng suất lao động thì căn cứ vào đó để tính suất miễn thu. Định mức năng suất lao động có thể bằng hiện vật (số lượng sản phẩm) hoặc bằng giá trị (doanh thu hay thu nhập) .

- Đối với những cơ sở quản lý tốt lao động, tổ chức theo dõi chấm công chính xác thì căn cứ vào số ngày công thực tế của xã viên thực tế tham gia sản xuất trong kỳ kinh doanh để tính số suất miễn thu bằng cách lấy tổng số ngày công của cơ sở chia cho ngày công chế độ của từng tháng. Khi chia, số ngày công lẻ từ 14 ngày trở lên được tính là một suất miễn thu, dưới 14 ngày được tính là 1/2 (một phần hai) suất miễn thu.

- Đối với cơ sở sản xuất theo mùa vụ thì phải căn cứ vào định mức năng suất lao động của mùa vụ sản xuất kinh doanh tương đối thường xuyên và ổn định nhất để tính suất miễn thu.

- Đối với hộ riêng lẻ sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, làm nghề vận tải, xây dựng cũng có thể áp dụng các phương pháp trên để xác định số suất miễn thu; Nếu kinh doanh cho các ngành phục vụ được trừ nhiều nhất là hai suất miễn thu cho người trong hộ có thực tế tham gia kinh doanh; Nếu kinh doanh ngành thương nghiệp, nói chung chỉ được trừ một suất miễn thu, nhưng đối với hộ có doanh số lớn (hộ môn bài bậc 1,

bậc 2) phải sử dụng nhiều lao động trong gia đình để phục vụ hoạt động kinh doanh thì có thể tính trừ thêm một suất miễn thu.

3. Cách tính thuế lợi tức doanh nghiệp

a. Đối với hợp tác xã, tổ sản xuất , ngành sản xuất tiểu thủ công nghiệp, vận tải, xây dựng: lợi tức làm căn cứ để xác định thuế suất là lợi tức chịu thuế bình quân của mỗi xã viên, tổ viên cách tính như sau:

Lợi tức chịu thuế lợi tức chịu thuế một tháng của cả cơ sở

bình quân của mỗi xã viên, tổ viên số xã viên, tổ viên chính thức trong danh sách của HTX hoặc tổ SX

thuế lợi tức một tháng Lợi tức chịu thuế thuế suất thuế lợi tức lũy

tháng của một = bình quân của mỗi * tiền từng phần của ngành

xã viên, tổ viên xã viên tổ viên sản xuất vận tải, xây dựng.

thuế lợi tức một tháng Lợi tức chịu thuế Số xã viên, tổ viên chính

tháng của cả = tháng của một xã * thức trong danh sách của

cơ sở xã viên, tổ viên HTX, tổ sản xuất.

b) Đối với hợp tác xã và tổ hợp tác kinh doanh ngành phục vụ, thương nghiệp, ăn uống: thuế lợi tức doanh nghiệp tính trên lợi tức chịu thuế bình quân của mỗi xã viên, tổ viên có trực tiếp tham gia kinh doanh. Cách tính như sau:

Lợi tức chịu thuế lợi tức chịu thuế một tháng của cả cơ sở

bình quân của mỗi = -- xã viên, tổ viên số xã viên, tổ viên có thực tế tham gia kinh doanh của HTX

Tổ hợp tác.

Xã viên, tổ viên có thực tế tham gia kinh doanh là những người có thực tế tham gia kinh doanh ở HTX, tổ hợp tác từ 7 ngày / 1 tháng trở lên.

thuế lợi tức một tháng Lợi tức chịu thuế thuế suất thuế lợi tức lũy tiến

tháng của một = bình quân của mỗi * từng phần của ngành phục vụ

xã viên, tổ viên xã viên tổ viên hoặc ngành thương nghiệp, ăn uống.

thuế lợi tức một tháng Lợi tức chịu thuế Số xã viên, tổ viên có thực tế

tháng của cả = tháng của mỗi xã * tham gia kinh doanh của

cơ sở viên, tổ viên HTX, tổ hợp tác.

c) Đối với hợp tác xã nông nghiệp, HTX sản xuất muối, HTX đánh cá có kiêm sản xuất tiểu thủ công nghiệp, vận tải, xây dựng hoặc kinh doanh nông nghiệp không thuộc diện nộp thuế nông nghiệp được nộp thuế lợi tức về phần sản xuất, kinh doanh kiêm thêm này theo thuế sản xuất thấp nhất ghi trong biểu thuế lợi tức (Điều 21) cách tính như sau:

Thuế lợi tức Lợi tức chịu thuế

một tháng của = một tháng của cả x 12 %

cả cơ sở cơ sở

d) Đối với hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tiêu thụ:

Số tiền lãi trích Tổng số thực lãi

nộp ngân sách = một tháng của x 30 %

một tháng cả cơ sở

Khi tính số thực lãi, HTX mua bán, HTX tiêu thụ được tính trừ tiền lương theo chế độ quy định đối với những người trong ban quản lý HTX do HTX trả lương (chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, kế toán, thủ kho, nhân viên bán hàng....).

đ) Đối với các cơ sở hợp doanh:

thuế lợi tức một thuế lợi tức chịu thuế Thuế suất thuế lợi tức lũy

tháng của cả = một tháng của x tiến từng phần của ngành

cơ sở cả cơ sở nghề tương ứng với ngành

nghề của cơ sở sản xuất,

kinh doanh.

Thuế lợi tức Thuế lợi tức một (Thuế lợi tức một)

= xx 10 %

phải nộp tháng của cả cơ sở (tháng của cả cơ sở)

Khi tính lợi tức chịu thuế, các cơ sở hợp doanh được tính trừ tiền lương cho những người có thực tế tham gia sản xuất kinh doanh tại cơ sở. Mức tiền lương của từng người tính vào chi phí sản xuất kinh doanh phải theo đúng chế độ tiền lương thống